

Số: /BC-SCT

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá việc thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020

Thực hiện Công văn số 1651/SNV-VP ngày 27/10/2020 của Sở Nội vụ về việc báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011-2020. Sở Công Thương báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020 như sau:

1. Thực trạng nhân lực ngành Nội vụ của Sở

Đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành Nội vụ của Sở (*công tác cán bộ, thi đua khen - thưởng, văn thư - lưu trữ*), trên cơ sở biên chế được giao và thực tế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở, Lãnh đạo Sở bố trí nhân lực đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

1.1. Cơ cấu nhân lực theo trình độ đào tạo

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Sơ cấp	01	12,5	01	14,3	01	25
2	Trung cấp	01	12,5	01	14,3	0	0
3	Cao đẳng	01	12,5	01	14,3	0	0
4	Đại học	05	62,5	03	42,8	02	50
5	Sau đại học	0	0	01	14,3	01	25
	Tổng số	08		07		04	

1.2. Cơ cấu nhân lực theo ngạch công chức, viên chức

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Công chức	05	62,5	05	71,4	03	75
	Chuyên viên cao cấp	0	0	0	0	0	0
	Chuyên viên chính	0	0	0	0	0	
	Chuyên viên	03	37,5	03	42,8	02	50

	Cán sự	01	12,5	01	14,3	0	0
	Nhân viên	01	12,5	01	14,3	01	25
2	Viên chức	03	37,5	02	28,6	01	25
	Quản lý	0	0	0	0	0	0
	Thừa hành	03	37,5	02	28,6	01	25
	Tổng số	08		07		04	

1.3. Cơ cấu nhân lực theo độ tuổi, giới tính, dân tộc, thời gian công tác trong ngành Nội vụ

STT	Độ tuổi, giới tính, dân tộc, thời gian công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Độ tuổi						
	Dưới 30	02	25	0	0	0	0
	Từ 30-40	03	37,5	05	71,4	02	50
	Từ 41-50	02	25	02	28,6	01	25
	Từ 51-60	01	12,5	0	0	01	25
	Tổng số	08		07		04	
2	Giới tính						
	Nam	03	37,5	02	28,6	01	25
	Nữ	05	62,5	05	71,4	03	75
	Tổng số	08		07		04	
3	Dân tộc						
	Dân tộc Kinh	08	100	07	100	04	100
	Dân tộc khác	0	0	0	0	0	0
4	Thời gian công tác						
	Dưới 5 năm	06	75	03	42,9	02	50
	Từ 5-10 năm	01	12,5	03	42,9	01	25
	Từ 11-20 năm	01	12,5	01	14,2	01	25
	Từ 21-30 năm	0	0	0	0	0	0
	Trên 30 năm	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	08		07		04	

1.4. Cơ cấu nhân lực theo lĩnh vực công tác

STT	Lĩnh vực công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)

1	Tổ chức nhà nước	02	25	02	28,6	01	25
2	Tôn giáo	0	0	0	0	0	0
3	Thi đua – Khen thưởng	01	12,5	01	14,3	01	25
4	Văn thư - Lưu trữ	05	62,5	04	57,1	02	50
	Tổng số	08		07		04	

1.5. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo vị trí việc làm (đối với địa phương)

STT	Vị trí việc làm	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức hành chính						
	Lãnh đạo Phòng Tổ chức hành chính; Lãnh đạo Văn phòng sở, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, người được giao làm công tác Nội vụ tại các sở, ngành thuộc UBND cấp tỉnh	03	60	03	60	02	66,7
	Thừa hành, phục vụ	02	40	02	40	01	33,3
	Tổng số	05		05		03	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập						
	Lãnh đạo, quản lý: - Giám đốc - Phó Giám đốc - Trưởng phòng - Phó Trưởng phòng	0		0		0	
	Chức danh nghề nghiệp	03	100	02	100	01	100
	Tổng số	03		02		01	

1.6. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo trình độ lý luận chính trị/quản lý nhà nước

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Lý luận chính trị						
	Sơ cấp	06	75	04	57,1	02	50
	Trung cấp	01	12,5	02	28,6	01	25
	Cao cấp	01	12,5	01	14,3	01	25
	Tổng số	08		07		04	
2	Quản lý nhà nước						
	Cán sự	05	62,5	04	57,1	02	50
	Chuyên viên	02	25	02	28,6	01	25
	Chuyên viên chính	01	12,5	01	14,3	01	25
	Chuyên viên cao cấp	0		0		0	
	Tổng số	08		07		04	

1.7. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo trình độ tin học/ngoại ngữ

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tin học						
	Trình độ A, B, C	08	100	07	100	04	100
	Chuẩn kỹ năng cơ bản	0		0		0	
	Chuẩn kỹ năng nâng cao	0		0		0	
	Đại học	0		0		0	
	Sau đại học	0		0		0	
	Tổng số	08		07		04	
2	Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc và ngoại ngữ khác)						
	Trình độ A, B, C, D	08	100	07	100	04	100
	Đại học	0		0		0	

	Sau đại học	0		0		0	
	Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có)						
	Tổng số	08		07		04	

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt trong Quy hoạch

Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh. Trong những năm qua, Sở Công Thương đã triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực nói chung và nhân lực ngành nội vụ nói riêng nhằm đáp ứng các nhiệm vụ chính trị của cơ quan và yêu cầu của thực tiễn. Hàng năm, Sở đã chủ động rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhằm tạo nguồn cán bộ, đảm bảo dân chủ, khách quan, công khai, đúng theo quy định. Công chức, viên chức được quy hoạch đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, bảo đảm số lượng, định hướng cơ cấu, độ tuổi, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hàng năm, Sở xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nói chung và ngành nội vụ nói riêng. Việc đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo kế hoạch để có đội ngũ cán bộ đạt chuẩn theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh viên chức; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng yêu cầu của ngành nội vụ như nghiệp vụ về tổ chức bộ máy, về công tác cán bộ, thi đua khen thưởng, công tác văn thư – lưu trữ,...

Nhìn chung, việc thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực ngành nội vụ được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả tại Sở. Công tác quy hoạch phát triển nhân lực ngành nội vụ đã tập trung vào xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, đảm bảo chất lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển ngành nói chung và ngành nội vụ nói riêng, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

Trên đây là báo cáo thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020 của Sở Công Thương gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Giám đốc Sở;
- trungnd_snv@bacgiang.gov.vn;
- CVP;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Tấn